TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2025/HNGĐ - ST Ngày 27 - 8 - 2025 V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Ý Tưởng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Ông Nguyễn Văn Hảo

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Kiên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8, tỉnh Phú Thọ (cơ sở 2: Thôn Chợ Cánh, xã Bình Nguyên, tỉnh Phú Thọ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2025/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 05 năm 2025 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn T Q, xã B X, tỉnh Phú Thọ (trước đây là Thôn T Q, thị trấn Gia K, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Như T1, sinh năm 1983;

Địa chỉ: TDP G D, xã B X, tỉnh Phú Thọ (trước đây là TDP G D, thị trấn G K, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Như T1 kết hôn với nhau ngày 08/03/2010, trước khi đăng ký có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn G K, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã B X, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện. Sau ngày cưới, chị và anh T1 đang sống tại thị trấn G K, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Tháng 3 năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, anh T1 về nhà bố mẹ đẻ tại Tổ dân phố G D, thị trấn G K, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, sống ly thân, không quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T1, vợ chồng không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Gia N, sinh ngày 21/5/2011 và cháu Nguyễn Như Gia K, sinh ngày 03/7/2013, hiện nay hai cháu đang ở cùng chị T. Ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng và chăm sóc N và cháu K, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, khoản vay, cho vay, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Như T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Toà án không ghi nhận được quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát khu vực 8, tỉnh Phú Thọ phát biểu Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Áp dụng Điều 51; 56; 57; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 1016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thi T, cho chị Lê Thị T ly hôn anh Nguyễn Như T1. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T được nuôi dưỡng và chăm sóc 02 cháu Nguyễn Lê Gia N, sinh ngày 21 tháng 05 năm 2011 và cháu Nguyễn Như Gia K, sinh ngày 03 tháng 07 năm 2013. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T có đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Như T1 và giải quyết về con chung, anh T1 có

nơi cư trú tại thị trấn G K, huyện B X (nay là xã B X, tỉnh Phú Thọ) do vậy xác định quan hệ tranh chấp là "Hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc nay là Toà án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiên hành triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Như T1, mặc dù anh T1 không có mặt tại địa phương nhưng anh biết chị T xin ly hôn anh tại Toà án, do anh đi làm ăn xa nên không đến Toà án để làm việc. Anh T1 cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt anh T1.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thi T và anh Nguyễn Như T1 kết hôn với nhau ngày 08/03/2010, trước khi đăng ký có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Gia K, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T trình bày quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, từ tháng 3 năm 2018 đến nay anh chị sống ly thân. Tại biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Như Anh Vũ là anh trại ruột của anh T1 xác định quá trình chung sống, chị T và anh T1 có phát sinh mâu thuẫn. Khoảng tháng 3 năm 2018, chị T và anh T1 mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Hiện nay, anh T1 đi làm ăn ở xa còn cụ thể ở đâu thì anh Vũ không biết nhưng anh T1 vẫn thường xuyên gọi điện thoại liên lạc với gia đình. Anh T1 biết việc Tòa án giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh T1 nhưng anh T1 đi làm ăn xa nên không đến Tòa án để giải quyết. Anh T1 có nói với anh Vũ là anh T1 đồng ý ly hôn và đồng ý để chị T nuôi con chung, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hôn nhân giữa chị T va anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T xin ly hôn anh T1 là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Gia N, sinh ngày 21/05/2011 và cháu Nguyễn Như Gia K, sinh ngày 03/07/2013. Cháu N và cháu K hiện đang ở cùng chị T. Ly hôn, hai bên đều đề nghị để chị T

nuôi cháu N và cháu K, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Hiện nay anh T1 đi làm ăn xa nên không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, cháu N và cháu K cũng có nguyện vọng được ở với chị T. Xét yêu cầu của chị T về việc được trực tiếp nuôi con là chính đáng nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T để giao con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nên anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của Viên kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Phú Thọ là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Như T1.

2. Về con chung: Chị Lê Thi T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Lê Gia N, sinh ngày 21 tháng 05 năm 2011 và cháu Nguyễn Như Gia K, sinh ngày 03 tháng 07 năm 2013. Anh Nguyễn Như T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002907 ngày 27/05/2025 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là phòng Thi hành án số 8 – Phú Thọ) .

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ý Tưởng

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phúc Thọ;
- UBND xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ (ĐKKH tại UBND thị trấn Gia K, Huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.